

Bản án số: 119/2022/DS-ST
Ngày: 11 - 5 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Chí
- Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nga là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T; Trụ sở chính: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Đường E, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đoàn Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Đường B, phường D, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Văn bản ủy quyền số: 83/GUQ-CNGV ngày 23 tháng 11 năm 2021)

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị N, sinh năm 1966; Địa chỉ: Đường D, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

(Ông T và bà N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Ngân hàng Thương mại cổ phần T, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đoàn Nguyễn Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần T (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Phan Thị N ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng JCB Motor Card, số thẻ 356480-8122 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng.

Sau thời gian sử dụng, bà N có đăng ký thêm thẻ Visa Platinum Cashback, số thẻ 436438-3250 và nâng hạn mức sử dụng chung là 150.000.000 đồng với mục đích là tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 488.364.610 đồng, cụ thể: Thẻ JCB Motor Card, số thẻ 356480-8122 là 211.292.529 đồng và thẻ Visa Platinum Cashback, số thẻ 436438-3250 là 277.027.081 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà N đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 379.246.650 đồng, cụ thể Thẻ JCB Motor Card, số thẻ 356480-8122 là 210.676.650 đồng và thẻ Visa Platinum Cashback, số thẻ 436438-3250 là 168.570.000 đồng.

Từ ngày 05/6/2020, Ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N, cụ thể: Thẻ JCB Motor Card, số thẻ 356480-8122 ngày 18/5/2020 và thẻ Visa Platinum Cashback, số thẻ 436438-3250 ngày 19/5/2020 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N trả cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử là 11/5/2022 như sau:

Thẻ JCB Motor Card, số thẻ 356480-8122 là 34.891.843 đồng, trong đó nợ gốc là 18.541.297 đồng và lãi trong hạn, quá hạn là 16.350.546 đồng;

Thẻ Visa Platinum Cashback, số thẻ 436438-3250 là 284.003.571 đồng, trong đó nợ gốc là 153.948.019 đồng và lãi trong hạn, quá hạn là 130.055.552 đồng.

Bà N phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và nợ lãi của hai thẻ nêu trên là 318.895.414 đồng ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời, bà N còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định theo hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 12/5/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Bị đơn – bà Phan Thị N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà N thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 318.895.414 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà N tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kể từ ngày 12/5/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Bà N cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Ông Đoàn Nguyễn Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu của ông T phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Phan Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Theo kết quả xác minh của Công an Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/02/2022 thể hiện: Bà Phan Thị N, sinh năm 1966, có hộ khẩu thường trú tại Đường D, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà từ tháng 3/2020, không rõ địa chỉ nơi ở hiện tại.

- Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà N nhưng bà N vắng mặt, không nộp (*gửi*) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

- Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và Tóm tắt sao kê đối với Thẻ JCB Motor Card, số thẻ 356480-8122 và thẻ Visa Platinum Cashback, số thẻ 436438-3250 của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy Ngân hàng yêu bà N phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và nợ lãi của hai thẻ nêu trên là 318.895.414 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét, Ngân hàng yêu cầu bà N bà N còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định theo hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 12/5/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nên Ngân hàng yêu cầu bà N trả nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bà Phan Thị N trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng nợ gốc và nợ lãi của hai thẻ tín dụng tính đến ngày 11/5/2022 là 318.895.414 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, cụ thể như sau:

- Thẻ JCB Motor Card, số thẻ 356480-8122 là 34.891.843 đồng, trong đó nợ gốc là 18.541.297 đồng và lãi trong hạn, quá hạn là 16.350.546 đồng;

- Thẻ Visa Platinum Cashback, số thẻ 436438-3250 là 284.003.571 đồng, trong đó nợ gốc là 153.948.019 đồng và lãi trong hạn, quá hạn là 130.055.552 đồng.

Kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2022, bà N tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần T được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 7.090.028 đồng (Tám trăm tám mươi một ngàn hai trăm chín mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0047425 ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Bà Phan Thị N phải nộp số tiền án phí là 15.944.770 đồng (Mười lăm triệu chín trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi ngàn) đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

